

Số: /GPMT-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần đầu tư SHTN số 05/2026 ngày 14/8/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1216/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư SHTN, địa chỉ tại số 10 ngõ 01 Phan Đình Giót, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Trang trại nuôi trồng thủy sản công nghệ cao số 1 Quảng Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trang trại nuôi trồng thủy sản công nghệ cao số 1 Quảng Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101090213, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 07 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp.

1.4. Mã số thuế: 3101090213.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nuôi trồng thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 120.805,9 m²

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 112 tấn/vụ, 2 vụ/năm.

- Tóm tắt Quy trình công nghệ sản xuất:

Quy trình nuôi tôm thương phẩm: Công tác chuẩn bị trước khi thả giống → Kiểm tra tôm giống → Thả tôm giống → Chăm sóc và quản lý → Thu hoạch tôm thương phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư SHTN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Cam Hồng;
- Công ty Cổ phần đầu tư SHTN;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt cán bộ, công nhân làm việc tại dự án.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ ao ương.
- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất phát sinh từ ao nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: khe nước phía Tây Bắc của dự án, rồi chảy ra biển khu vực dự án thuộc xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Tại hồ ga xả thải, sau đó xả ra khe nước phía Tây Bắc của dự án, rồi chảy ra biển khu vực dự án thuộc xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả thải: $X (m) = 1.913.798,02$; $Y (m) = 585.171,43$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiếu 3^0)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $891,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được dẫn theo đường ống vào khe nước phía Tây Bắc của dự án, rồi thải ra biển.
- Phương thức xả: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24/24h).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{ngày}$	-	01 năm/lần	Theo đề xuất của Chủ dự án
2	pH	-	6 - 9		
3	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Amoni	mg/l	≤ 10	01 năm/lần	Theo đề xuất của Chủ dự án
5	BOD ₅	mg/l	≤ 60		
6	COD	mg/l	≤ 90		
7	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 80		
8	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 40		
9	Tổng Phốtpho	mg/l	≤ 14		
10	Độ màu	Pt/Co	≤ 100		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên tại Nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó sẽ theo đường ống PVC D90 đưa về bồn tự hoại thông minh với công suất 3,0 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý, sau đó theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải sản xuất trước khi thoát ra môi trường.

b. Nước thải sản xuất:

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ các ao ươm theo đường ống DN200 được bố trí ngầm tại lối đi lại của mỗi nhà sau đó nước thải tiếp tục theo đường ống DN400 được bố trí ngầm tại lối đi lại của các nhà ao nuôi với tổng chiều dài 547m dẫn về ao chứa nước thải (26.560m³).

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ các ao nuôi được xử lý và tái sử dụng hàng ngày thông qua hệ thống lọc thô 5 ngăn. Sau khi kết thúc vụ nuôi, nước thải tại các ao nuôi được thu gom bằng đường ống DN200 dưới đáy mỗi ao về các hố siphon, sau đó tự chảy theo đường ống DN400 được bố trí ngầm tại lối đi lại của các nhà ao nuôi với tổng chiều dài 547m dẫn về ao chứa nước thải (26.560m³).

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B) sẽ được xả ra hố ga và có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, sau đó được dẫn theo đường ống uPVC D300 dài 100m xả ra khe nước phía Tây Bắc dự án rồi chảy ra biển khu vực thuộc xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Công trình xây dựng: 01 bể tự hoại tại Nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng, ăn ở công nhân với thể tích là $6,3 \text{ m}^3$; 01 bồn tự hoại thông minh với thể tích $3,0 \text{ m}^3$
- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống PVC D90 đưa về bồn tự hoại thông minh để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối về hố ga sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất và xả thải ra vùng biển ven bờ.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:
 - + Nước thải từ ao nuôi → Ngăn 1: Chứa nước trước lọc → Ngăn 2: Lọc cát, đá, sỏi → Ngăn 3, 4: Lọc bằng lưới dày → Ngăn 5: Chứa nước sau lọc → Ao chứa nước thải (26.560 m^3) → Xả thải ra khe nước phía Tây Bắc dự án → Vùng biển ven bờ.
 - + Nước thải từ ao ương → Ao chứa nước thải (26.560 m^3) → Xả thải ra khe nước phía Tây Bắc dự án → Vùng biển ven bờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01
- Vị trí lắp đặt: Hố ga lấy mẫu (Nước thải đầu ra của ao xử lý nước thải)
- Thông số lắp đặt: Nhiệt độ, lưu lượng, pH, COD, TSS, Amoni (N-NH_4^+)
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có 01 thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, liên tục, lấy mẫu tại vị trí hố ga lấy mẫu, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; có chức năng lấy và lưu giữ mẫu phục vụ kiểm tra, đối chứng khi cần thiết.
- Camera theo dõi: Có 01 hệ thống camera giám sát tại khu vực quan trắc, bảo đảm quan sát được vị trí lấy mẫu, thiết bị quan trắc và các thiết bị liên quan; có chức năng ghi hình, lưu trữ và trích xuất hình ảnh phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Hệ thống quan trắc được kết nối với bộ thu thập, lưu trữ và truyền dữ liệu; dữ liệu quan trắc được lưu trữ tại trang trại và truyền tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị. Trường hợp xảy ra sự cố đối với thiết bị hoặc đường truyền, chủ dự án có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục và bảo đảm việc truyền dữ liệu theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình vận hành của Hệ thống thu gom, xử lý nước thải; theo dõi sự ổn định của hệ thống, kịp thời phát hiện sự cố một cách sớm nhất và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.
- Thường xuyên quan sát, tu sửa, gia cố bảo dưỡng hệ thống xử lý, nạo vét cặn lắng từ mương, rãnh thoát nước.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động sản xuất, không phát sinh thêm nước thải; bơm quay vòng nước thải vào hệ thống xử lý và tiến hành kiểm tra, khắc phục; tuyệt đối không xả nước thải khi chưa đạt quy chuẩn.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.
- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị khác... để kịp thời thay thế khi hỏng.
- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các cơ quan liên quan khác ứng phó, khắc phục sự cố xảy ra. Nếu có sự cố xảy ra, phải nhanh chóng khắc phục sự cố và báo cáo cho chính quyền địa phương biết, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2027 đến tháng 1/2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2. Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- + Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải
- + Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra khe nước phía Tây Bắc dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ dự án phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 02 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm,

kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường và các quy định liên quan. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ theo đúng quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA):

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực A	50	45	40
Khu vực B	55	50	45
Khu vực C	60	55	50
Khu vực D	65	60	55
Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung (đơn vị dB):

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Khu vực bị ảnh hưởng	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực A	65	60
Khu vực B, C, D	70	65

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Vận hành máy phát điện đúng kỹ thuật, máy phát điện được lắp đệm chống rung để hạn chế tiếng ồn, độ rung.
- Trồng cây xanh xung quanh để hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung.
- Các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án phải hạn chế phát sinh tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng phát sinh 2,5 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh 23.320 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh 7.536 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng phát sinh 1.001,5 kg/năm.

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho có diện tích 5m²

- Thiết bị, cấu tạo: Kho kín, tường xây gạch chịu lực, cửa kho kín, nền bê tông xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại tràn trong kho.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu chứa ngoài trời: Có diện tích 5m²

- Thiết bị, cấu tạo: Các thùng chứa có nắp đậy kín, khu vực lưu chứa đặt tại nơi cao ráo, thông thoáng xa khu vực nhà văn phòng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa ngoài trời: Có diện tích 5m²

- Thiết bị, cấu tạo: 05 thùng chứa có nắp đậy loại 120L, khu vực lưu chứa đặt tại nơi cao ráo, thông thoáng xa khu vực nhà văn phòng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 và các quy định liên quan.

5. Thực hiện chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Dự án: Trang trại nuôi trồng thủy sản công nghệ cao số 1 Quảng Bình**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ việc thu gom, xử lý các nguồn nước thải đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tuyệt đối không để chất thải không được xử lý xả thải ra môi trường.

2. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về tài nguyên nước trước khi đi vào hoạt động theo đúng quy định pháp luật.

3. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

4. Xử lý nước thải đảm bảo QCVN xả thải trước khi thải ra môi trường theo đúng quy định pháp luật.

5. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên dự án trong suốt quá trình hoạt động.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ liên quan do Chủ Dự án cung cấp; Chủ Dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).